

Vinfil lập bảng so sánh các tiêu chuẩn nước sạch sinh hoạt mới nhất QCVN 01-1:2018/BYT với QCVN 01:2009/BYT và tiêu chuẩn nước uống trực tiếp QCVN 6-1:2010/BYT

(Số liệu được lấy trực tiếp từ website của Bộ Y Tế)

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép		
			Nước sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT	Nước sinh hoạt QCVN 01:2009/BYT	Nước uống trực tiếp QCVN 6-1:2010/BYT
1	Coliform	CFU/100 mL	<3	0	0
2	E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1	0	0
3	Arsenic (As) ^(*)	mg/L	0,01	0,01	0,01
4	pH	-	6,0-8,5	6,5 - 8,5	
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,3	3	
6	Antimon (Sb)	mg/L	0,02	0,005	0,02
7	Bari (Bs)	mg/L	0,7	0,7	0,7
8	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	0,3		0,5
9	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003	0,003	0,003
10	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01	0,01	
11	Chì số pecmanganat	mg/L	2	2	0,01
12	Chloride (Cl) ^(**)	mg/L	250 (hoặc 300)	250	0,7
13	Chromi (Cr)	mg/L	0,05	0,05	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1	1	2
15	Mangan (Mn)	mg/L	0,1	0,3	0,4
16	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	2	50	50
17	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	0,05	3	3
18	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001	0,001	0,006
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000	1000	
20	Xyanua (CN)	mg/L	0,05		0,07
21	Bromat	µg/L	10		0,01
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1		0,5
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0		1

Trên đây là những chỉ số cơ bản nhất, những chỉ số thông dụng mà khi phân tích nước thường quan tâm nhất.

Các chỉ số Vinfil tô đậm màu đỏ là Vinfil muốn nhấn mạnh để phân tích. Đây cũng là những chỉ số mà có đặt câu hỏi nhất.

1. Các bạn có thể dễ dàng nhận thấy: QCVN 01-1:2018/BYT có yêu cầu cao hơn QCVN 01:2009/BYT rất nhiều. Nổi bật nhất là chỉ số Amoni, Nitrit, Nitrat yêu cầu rất khắt khe.
2. Chỉ số TDS của nước sinh hoạt yêu cầu dưới 1000 chứ không phải dưới 500 hay dưới 300 như nhiều báo mạng viết.
3. Nhiều chỉ số ở tiêu chuẩn nước uống trực tiếp còn cao hơn ở nước sinh hoạt như: Mangan, Thủy ngân, NO₂...